

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Đợt thi ngày 07/5/2022

*(Ban hành kèm theo QĐ số 344/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 19 tháng 05 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
I. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ A2														
1	TA01	Đỗ Thị Lan	Anh	24/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0439	57	19	11	87	A2	A0487
2	TA02	Nguyễn Thị Cúc	Anh	09/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0440	57	20	12	89	A2	A0488
3	TA03	Nguyễn Thúy	Cải	01/07/2000	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN8A	18DKT0400	55	20	7	82	A2	A0489
4	TA04	Nguyễn Đình	Cương	28/02/1998	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0360	54	19	6	79	A2	A0490
5	TA05	Dương Việt	Cường	01/09/2001	Hà Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0586	56	20	12	88	A2	A0491
6	TA06	Giáp Kiên	Cường	25/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0525	56	20	5	81	A2	A0492
7	TA07	Trần Khương	Duy	01/06/2001	Phú Thọ	Nam	D-THUY9A	19DTY0590	57	20	8	85	A2	A0493
8	TA08	Nguyễn Văn	Dũng	28/03/1996	Lạng Sơn	Nam	D-THUY4C	14DTY0227	54	18	7	79	A2	A0494
9	TA09	Đặng Tiến	Dũng	20/02/2000	Bắc Giang	Nam	D-QLTN8A	18DQLTN0372	48	20	4	72	A2	A0495
10	TA10	Tổng Thùy	Dương	19/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0444	54	18	11	83	A2	A0496
11	TA11	Phạm Văn	Đang	28/06/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0445	55	17	12	84	A2	A0497
12	TA12	Trần Văn	Đạo	06/08/2000	Gia Lai	Nam	D-THUY9A	19DTY0587	54	19	10	83	A2	A0498
13	TA13	Nguyễn Trọng	Đoàn	05/12/2001	Bắc Ninh	Nam	D-THUY9A	19DTY0591	53	14	3	70	A2	A0499
14	TA14	Ong Xuân	Đức	02/10/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0361	54	17	8	79	A2	A0500

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
								NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
15	TA15	Hoàng Đức Giang	03/01/2001	Bắc Giang	Nam	D- CNTP9A	19DCNTP0165	54	19	8	81	A2	A0501
16	TA16	Phan Thị Hà	19/05/2001	Bắc Giang	Nữ	D-CNTP9A	19DCNTP0166	55	20	11	86	A2	A0502
17	TA17	Vũ Hải Hà	21/10/1998	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN8A	18DQLDD0469	49	16	8	73	A2	A0503
18	TA18	Nguyễn Ngọc Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0363	53	21	13	87	A2	A0504
19	TA19	Bùi Thục Hiền	01/06/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0446	51	22	12	85	A2	A0505
20	TA20	Cao Văn Hiệp	05/11/2001	Tuyên Quang	Nam	D-THUY9A	19DTY0593	57	22	9	88	A2	A0506
21	TA21	Ngô Văn Hiệp	05/03/1995	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4A	14DQLTN0180	58	19	9	86	A2	A0507
22	TA22	Đặng Vũ Hiệp	25/09/1999	Nam Định	Nam	D-THUY7A	17DTY0536	58	19	12	89	A2	A0508
23	TA23	Ngô Sỹ Hiếu	03/10/1999	Bắc Ninh	Nam	D- CNTP7A	17DCNTP0146	51	19	12	82	A2	A0509
24	TA24	Nguyễn Xuân Hiếu	13/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0147	54	20	11	85	A2	A0510
25	TA25	Lê Huy Hoàng	20/08/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0447	47	14	9	70	A2	A0511
26	TA26	Tạ Văn Hoàng	08/04/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0595	45	17	10	72	A2	A0512
27	TA27	Nguyễn Văn Hội	06/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0596	49	17	10	76	A2	A0513
28	TA28	Lê Duy Hưng	28/10/2001	Phú Thọ	Nam	D-THUY9A	19DTY0597	51	17	10	78	A2	A0514
29	TA29	Dương Thị Quỳnh Hương	12/02/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0451	49	17	11	77	A2	A0515
30	TA30	Nguyễn Thị Hồng Lệ	21/03/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0454	46	17	12	75	A2	A0516
31	TA31	Dương Thị Hương Ly	17/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0455	46	16	12	74	A2	A0517
32	TA32	Lê Thị Trà My	17/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0457	46	16	13	75	A2	A0518
33	TA33	Hoàng Văn Nam	17/10/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0600	46	14	10	70	A2	A0519
34	TA34	Đoàn Quý Nhân	04/05/1998	Yên Bái	Nam	D-THUY6B	16DTY0491	47	17	10	74	A2	A0520

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
								NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
35	TA35	Nguyễn Thu Phương	24/10/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0459	56	18	13	87	A2	A0521
36	TA36	Nguyễn Văn Quý	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	D-THUY5B	15DTY0365	48	18	10	76	A2	A0522
37	TA37	Trịnh Quốc Sáng	10/01/1999	Nghệ An	Nam	D-QLTN7A	17DQLTN0369	47	19	4	70	A2	A0523
38	TA38	Lê Công Sơn	09/01/1999	Thanh Hóa	Nam	D-THUY 7A	17DTY0554	49	19	8	76	A2	A0524
39	TA39	Nguyễn Trọng Sửu	26/10/1997	Bắc Giang	Nam	D-CNTP5A	15DCNTP0124	51	17	6	74	A2	A0525
40	TA40	Nguyễn Xuân Thắm	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498	45	22	3	70	A2	A0526
41	TA41	Hà Văn Thọ	30/07/2000	Kon Tum	Nam	D-THUY8A	18DTY0580	44	19	8	71	A2	A0527
42	TA42	Nông Quốc Trí	05/02/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0605	53	21	11	85	A2	A0528
43	TA43	Phạm Văn Trường	16/01/2001	Ninh Bình	Nam	D-THUY9A	19DTY0606	50	21	7	78	A2	A0529
44	TA44	Bùi Minh Tuấn	03/01/2000	Lạng Sơn	Nam	D-QLTN 8A	18DQLTN0379	42	21	8	71	A2	A0530
45	TA45	Đỗ Trọng Tuấn	03/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-THUY9A	19DTY0607	54	22	11	87	A2	A0531
46	TA46	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0468	49	16	10	75	A2	A0532
47	TA47	Nguyễn Đức Việt	01/03/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0469	48	15	7	70	A2	A0533
48	TA48	Thân Văn Vinh	15/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-QLĐĐ7A	17DQLDD0468	48	14	8	70	A2	A0534

II. TIẾNG TRUNG QUỐC TƯƠNG ĐƯƠNG BẠC 2 (HSK2)

1	TQ01	Đặng Kim Anh	15/02/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0437	77	60	-	137	HSK 2	A0535
2	TQ02	Đào Thị Tú Anh	16/03/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0435	80	60	-	140	HSK 2	A0536
3	TQ03	Hoàng Thị Bình	27/06/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0441	94	64	-	158	HSK 2	A0537
4	TQ04	Hoàng Văn Dũng	19/08/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0443	66	60	-	126	HSK 2	A0538
5	TQ05	Nguyễn Thị Phương Huệ	17/12/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0448	92	72	-	164	HSK 2	A0539

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả	Số vào sổ
								NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM		
6	TQ06	Nguyễn Thị Hương	20/01/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0450	83	60	-	143	HSK 2	A0540
7	TQ07	Trần Thị Hồng Nhung	31/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0458	74	60	-	134	HSK 2	A0541
8	TQ08	Bế Văn Thành	09/12/1996	Lạng Sơn	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0462	92	72	-	164	HSK 2	A0542
9	TQ09	Nguyễn Văn Thịnh	01/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN9A	19DKT0464	63	60	-	123	HSK 2	A0543
10	TQ10	Đỗ Thị Kim Thoa	13/01/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN9A	19DKT0465	74	72	-	146	HSK 2	A0544

III. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số vào sổ
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI			
1	TA01	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	27/08/2002	Bắc Ninh	Nữ	QLDD10A	20D0469QLD	150	138	140	140	142	B1	B10001
2	TA02	Ngô Văn Chiến	21/11/2002	Bắc Giang	Nam	QLDD10A	20D0470QLD	147	146	134	144	143	B1	B10002
3	TA03	Nguyễn Thị Hoài	18/02/2002	Bắc Giang	Nữ	DTY10A	20D0615THY	150	146	140	127	141	B1	B10003
4	TA04	Vũ Duy Hùng	25/10/1994	Bắc Ninh	Nam	QLDD10A	14DQLTN0310	153	138	134	140	141	B1	B10004
5	TA08	Trần Tuấn Hưng	22/12/2002	Nam Định	Nam	DTY10A	20D0616THY	143	135	144	137	140	B1	B10005
6	TA09	Phạm Quỳnh Nga	01/09/2002	Bắc Giang	Nữ	DTY10A	20D0618THY	143	138	137	149	142	B1	B10006
7	TA13	Nguyễn Thế Nguyên	31/05/2002	Hà Nội	Nam	DCN10A	20D0058CNU	157	125	148	130	140	B1	B10007
8	TA14	Ngô Văn Sơn	29/12/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0620THY	150	140	140	130	140	B1	B10008
9	TA15	Văn Đình Tâm	16/04/2002	Nghệ An	Nam	DTY10A	20D0621THY	150	140	144	127	140	B1	B10009
10	TA16	Ngô Đức Thắng	19/01/1999	Bắc Giang	Nam	DCN10A	20D0060CNU	140	144	134	140	140	B1	B10010
11	TA17	Nguyễn Tiến Thịnh	17/02/2002	Bắc Giang	Nam	DCN10A	20D0061CNU	150	140	144	130	141	B1	B10011
12	TA18	Điền Thu Trúc	11/10/2002	Yên Bái	Nữ	DTY10A	20D0623THY	147	138	131	149	141	B1	B10012
13	TA19	Trần Xuân Trường	07/07/2002	Bắc Ninh	Nam	QLDD10A	20D0474QLD	150	146	144	123	141	B1	B10013
14	TA20	Nguyễn Văn Tường	14/11/2000	Hải Dương	Nam	DCN10A	20D0062CNU	150	130	152	127	140	B1	B10014
15	TA21	Thân Văn Vinh	03/03/2002	Bắc Giang	Nam	DTY10A	20D0624THY	143	128	144	144	140	B1	B10015

Tổng số thí sinh theo danh sách: 73./